

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 10/03/2022 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 20/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 106 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 20/02/2022 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT909	Lê Xuân	An	06/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
2	CNTT910	Nguyễn Bình	An	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
3	CNTT911	Nguyễn Hải	Anh	07/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt
4	CNTT912	Nguyễn Trọng Quốc	Anh	31/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
5	CNTT913	Nguyễn Văn	Anh	19/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
6	CNTT914	Trần Đức Đông	Anh	16/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
7	CNTT915	Bùi Thị Ngọc	Bích	03/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
8	CNTT916	Lưu Thị Thanh	Bình	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	5.0	Đạt
9	CNTT917	Nguyễn Văn	Bình	10/07/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
10	CNTT918	Nguyễn Văn	Bình	30/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
11	CNTT919	Phạm Thị	Chinh	18/09/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt
12	CNTT920	Trần Văn	Công	24/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
13	CNTT921	Nguyễn Thị Thùy	Dung	03/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
14	CNTT922	Hoàng Ngọc	Dũng	21/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
15	CNTT923	Ngô Khắc	Dũng	11/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
16	CNTT924	Nguyễn Đăng	Dũng	22/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
17	CNTT925	Vũ Văn	Duy	25/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.0	Đạt
18	CNTT926	Đàm Văn	Dương	24/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
19	CNTT927	Mai Hoàng	Dương	06/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt
20	CNTT928	Nguyễn Công	Dương	28/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
21	CNTT929	Nguyễn Tiến	Dương	30/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
22	CNTT930	Nguyễn Văn	Dương	15/06/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.2	7.0	Đạt
23	CNTT931	Phùng Ánh	Dương	24/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTT932	Trần Tiến	Đạt	02/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
25	CNTT933	Nguyễn Bích	Điệp	22/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt
26	CNTT934	Nguyễn Quý	Đô	08/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
27	CNTT935	Phùng Thị Thu	Hà	17/05/1981	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt
28	CNTT936	Trương Thị Hồng	Hạnh	25/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt
29	CNTT937	Nguyễn Thị	Hậu	30/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	5.0	Đạt
30	CNTT938	Nguyễn Thị	Hiên	01/05/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
31	CNTT939	Đỗ Thị	Hiên	08/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	5.5	Đạt
32	CNTT940	Nguyễn Công	Hiệp	04/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
33	CNTT941	Nguyễn Quang	Hiệp	27/09/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
34	CNTT942	Mai Đình	Hiếu	04/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
35	CNTT943	Nguyễn Văn	Hiếu	19/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
36	CNTT944	Nguyễn Văn	Hiếu	13/12/2004	TPHCM	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
37	CNTT945	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	5.5	Đạt
38	CNTT946	Vũ Văn	Hoan	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
39	CNTT947	Phan Văn	Hoàn	14/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
40	CNTT948	Nguyễn Văn	Hoàng	20/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
41	CNTT949	Nguyễn Văn	Hoàng	20/09/2004	Bình Dương	Nam	Kinh	6.5	7.0	Đạt
42	CNTT950	Trần Văn	Hùng	07/06/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
43	CNTT951	Hoàng Việt	Huy	19/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
44	CNTT952	Nguyễn Hoàng	Huy	04/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt
45	CNTT953	Nguyễn Quang	Huy	27/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
46	CNTT954	Nguyễn Văn	Huy	21/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt
47	CNTT955	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
48	CNTT956	Ngô Thị Thúy	Hường	30/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.2	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
49	CNTT957	Đặng Gia	Khánh	21/05/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
50	CNTT958	Dương Văn	Ký	31/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
51	CNTT959	Đặng Phúc	Lâm	26/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
52	CNTT960	Lê Ngọc	Linh	29/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
53	CNTT961	Lê Thị Thùy	Linh	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt
54	CNTT962	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/07/2004	TPHCM	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
55	CNTT963	Nguyễn Thị Hiền	Lương	03/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
56	CNTT964	Triệu Thị	Mai	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt
57	CNTT965	Nguyễn Tuấn	Minh	01/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
58	CNTT966	Phạm Công	Minh	28/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
59	CNTT967	Nguyễn Đăng	Mỹ	14/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
60	CNTT968	Đào Phúc	Nam	16/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
61	CNTT969	Nguyễn Văn	Nam	12/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
62	CNTT970	Đặng Bảo	Ngọc	21/05/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
63	CNTT971	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	6.0	Đạt
64	CNTT972	Nguyễn Minh	Nguyên	04/01/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
65	CNTT973	Nguyễn Văn	Nguyên	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
66	CNTT974	Bùi Thế	Phồn	18/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.7	5.0	Đạt
67	CNTT975	Thân Phú	Phúc	15/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
68	CNTT976	Trần Văn	Quyền	15/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	7.0	Đạt
69	CNTT977	Hoàng Thị	Sen	18/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.7	6.5	Đạt
70	CNTT978	Dương Quang	Tân	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
71	CNTT979	Nguyễn Thành	Tân	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt
72	CNTT980	Đỗ Văn	Tấn	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt
73	CNTT981	Nguyễn Thị Phương	Thanh	05/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
74	CNTT982	Bùi Quang	Thành	09/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt
75	CNTT983	Lê Việt	Thành	20/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
76	CNTT984	Nguyễn Văn	Thành	16/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
77	CNTT985	Nguyễn Văn	Thành	07/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt
78	CNTT986	Phan Tiến	Thành	25/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
79	CNTT987	Hoàng Văn	Thành	24/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt
80	CNTT988	Nguyễn Quang	Thắng	21/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	5.0	Đạt
81	CNTT989	Nguyễn Văn	Thắng	20/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt
82	CNTT990	Lê Quang	Thịnh	27/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
83	CNTT991	Nguyễn Thị Minh	Thu	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt
84	CNTT992	Trần Quang	Thuận	24/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
85	CNTT993	Nguyễn Thị	Thúy	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.0	Đạt
86	CNTT994	Trịnh Quang	Thường	18/12/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt
87	CNTT995	Nguyễn Văn	Tiếp	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt
88	CNTT996	Nguyễn Văn	Toàn	13/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt
89	CNTT997	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt
90	CNTT998	Đặng Ngọc	Trung	23/07/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt
91	CNTT1000	Thân Quang Tuấn	Anh	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	Đạt
92	CNTT1001	Phạm Đăng	Bình	08/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	7.5	Đạt
93	CNTT1002	Hoàng Thị	Hiền	03/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	8.0	Đạt
94	CNTT1003	Nguyễn Thị	Hòa	13/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.5	Đạt
95	CNTT1004	Bùi Quốc	Hùng	24/12/1980	Hà Nội	Nam	Kinh	7.5	8.5	Đạt
96	CNTT1005	Đinh Thị	Huyền	27/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	8.0	Đạt
97	CNTT1006	Trần Thị Thu	Hường	08/11/1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	8.2	7.5	Đạt
98	CNTT1007	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	14/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
99	CNTT1008	Diêm Thị Quỳnh	17/12/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	8.0	Đạt
100	CNTT1009	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/02/1979	Hung Yên	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt
101	CNTT1010	Đỗ Xuân Trường	28/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt
102	CNTT1011	Nguyễn Quốc Tú	12/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt
103	CNTT1012	Nguyễn Văn Tư	13/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
104	CNTT1013	Nguyễn Đình Tự	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt
105	CNTT1014	Vũ Thị Hồng Vân	10/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	8.0	Đạt
106	CNTT1015	Nguyễn Hải Yến	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 106./.